TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/DS-ST
Ngày: 31-7-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé

Ông Đinh Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Tây Ninh.

Trong các ngày 28, 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thủy T, sinh năm 1976. (có mặt)

Địa chỉ: Số A ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã A, tỉnh Tây Ninh).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1963. (có mặt)

Địa chỉ: Số A ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã A, tỉnh Tây Ninh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hồ Thủy T trình bày và yêu cầu khởi kiện như sau:

Ngày 12/8/2024, bà T có cho bà Nguyễn Thị T1 vay số tiền 10.000.000 đồng, không có tính lãi, thời hạn vay 01 tháng. Đến hạn nhưng bà T1 không trả nợ nên bà T kiện ra Ban hòa giải ấp C để yêu cầu bà T1 trả nợ. Sau khi B hòa giải ấp C làm việc thì bà T1 đã trả được cho bà T số tiền 1.500.000 đồng, còn thiếu 8.500.000 đồng thì bà T1 không trả nữa.

Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị T1 trả số tiền còn nợ là 8.500.000 đồng, bà T không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, thì bà T không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Bà T cho bà T1 vay tiền nên chỉ yêu cầu cá nhân bà T1 có nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu chồng bà T1 có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà T.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, có mặt tại phiên tòa và trình bày như sau:

Bà T1 thống nhất với trình bày của bà T về việc bà T có cho bà vay số tiền 10.000.000 đồng, không có tính lãi, thời hạn vay 01 tháng, có lập giấy mượn tiền ngày 12/8/2024. Sau khi Ban hòa giải ấp C làm việc vào ngày 12/12/2024 thì bà đã trả được cho bà T số tiền 1.500.000 đồng. Do bà gặp khó khăn nên không thể tiếp tục trả nợ cho bà T theo cam kết. Hiện nay, bà còn nợ bà T số tiền 8.500.000 đồng, bà đồng ý trả cho bà T số tiền này nhưng đề nghị bà T cho bà được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 8.500.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Hồ Thủy T: Bà không đồng ý với đề nghị được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 8.500.000 đồng của bà T1 vì bà đã từng tạo điều kiện cho bà T1 trả dần số tiền còn nợ nhưng bà T1 không giữ lời hứa. Hiện nay, bà yêu cầu bà T1 trả toàn bộ số tiền còn nợ là 8.500.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Hiện nay hoàn cảnh của bà rất khó khăn, không có khả năng trả nợ cho bà T nên bà đề nghị bà T cho bà được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 8.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Hồ Thủy T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 8.500.000 đồng, bà T không yêu cầu bà T1 phải trả tiền lãi. Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Tây Ninh theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng:

Bà Hồ Thủy T khởi kiện nên được xác định là nguyên đơn; bà Nguyễn Thị T1 là người bị kiện nên được xác định là bị đơn.

[3] Về thủ tục tiền tố tụng:

Vụ án liên quan đến tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định không cần tiến hành thủ tục tiền tố tụng.

[4] Về chứng cứ:

Các bên có quyền yêu cầu và có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Tòa án xét xử theo quy định tại Điều 6 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[5] Về phạm vi xét xử:

Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án xét xử trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự. Luật áp dụng là Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thủy T, thấy rằng:

Các đương sự thống nhất hợp đồng vay tiền ngày 12/8/2024 được xác lập giữa bên cho vay bà Hồ Thủy T và bên vay bà Nguyễn Thị T1 là hợp đồng vay có kỳ hạn (ngày đến hạn 12/9/2024), số tiền gốc vay 10.000.000 đồng, việc vay tiền không tính lãi. Kể từ ngày vay tiền đến nay bà T1 đã thanh toán cho bà T số tiền 1.500.000 đồng, số tiền còn nợ 8.500.000 đồng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết không phải chứng minh.

Do bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà T khởi kiện yêu cầu bà T1 thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ 8.500.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, bà T1 đề nghị bà T cho bà được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ 8.500.000 đồng.

Xét yêu cầu trả dần số tiền còn nợ của bà T1, thấy rằng:

Hợp đồng vay tài sản ngày 12/8/2024 là hợp đồng có kỳ hạn và không có lãi, bà T1 có nghĩa vụ trả đủ tiền cho bà T khi đến hạn, hai bên không có thỏa thuận về việc trả dần số tiền còn nợ. Tại phiên tòa, bà T cũng không đồng ý cho bà T1 trả dần số tiền còn nợ nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

Từ những phân tích trên thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T1 thuộc đối tượng được miễn nộp tiền án phí, có đơn xin miễn nộp tiền án phí và được Toà án chấp nhận nên bà T1 được miễn nộp tiền án phí.

Bà Hồ Thủy T không phải chịu án phí. H lại cho bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân

dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; các Điều 12, 14, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thủy T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thủy T số tiền còn nợ là 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Nguyễn Thị T1 được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

3.2. Bà Hồ Thủy T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H lại cho bà Hồ Thủy T 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010948 ngày 29/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Án xét xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án:

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 5 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy An

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Bé – Đinh Ngọc Minh **Nguyễn Thị Thúy An**